



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH
HCMC University of Technology and Education

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

cuu duong than cong. com

Giảng viên: **ThS Trần Minh Toàn**

Điện thoại/email: lawyertoan@gmail.com

Học kỳ: **I / 2015 - 2016**

PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM



NỘI DUNG BÀI HỌC

I- Một số vấn đề chung về Luật Dân sự

1- Định nghĩa

2- Đối tượng điều chỉnh

3- Phương pháp điều chỉnh

4- Các nguyên tắc của pháp luật dân sự

II- Một số chế định cơ bản của Luật Dân sự.

1. ĐỊNH NGHĨA

- Là một ngành luật độc lập trong hệ thống PLVN.
- Bao gồm các QPPL điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hoá-tiền tệ.
- Và các quan hệ nhân thân,
- Trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể tham gia vào các quan hệ đó.

2. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

- Điều 1:BLDS

2.1 Quan hệ về tài sản



2.2 Quan hệ về nhân thân

2.1 Quan hệ tài sản

Là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản nhất



QH sở
hữu tài
sản

QH sở
hữu tài

QH
hợp
đồng
dồn

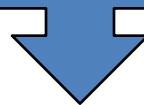
QH bồi
thường
thiệt
hại

QH
chuyển
quyền
sử dụng
đất

QH
thừa
kế...

2.2 Quan hệ nhân thân

Là quan hệ liên quan đến các giá trị tinh thần của con người



Gắn với
tài sản

Không
gắn với
tài sản

3. Phương pháp điều chỉnh

Phương pháp điều chỉnh đặc trưng của luật Dân sự là BÌNH ĐẲNG, THOẢ THUẬN

1. Bình đẳng về địa vị pháp lý
2. Quyền tự định đoạt
3. Độc lập về tổ chức và tài sản
4. Chủ động giải quyết tranh chấp.

4- Các nguyên tắc

- Xem điều 4-12 BLDS 2005

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

5. Chủ thể

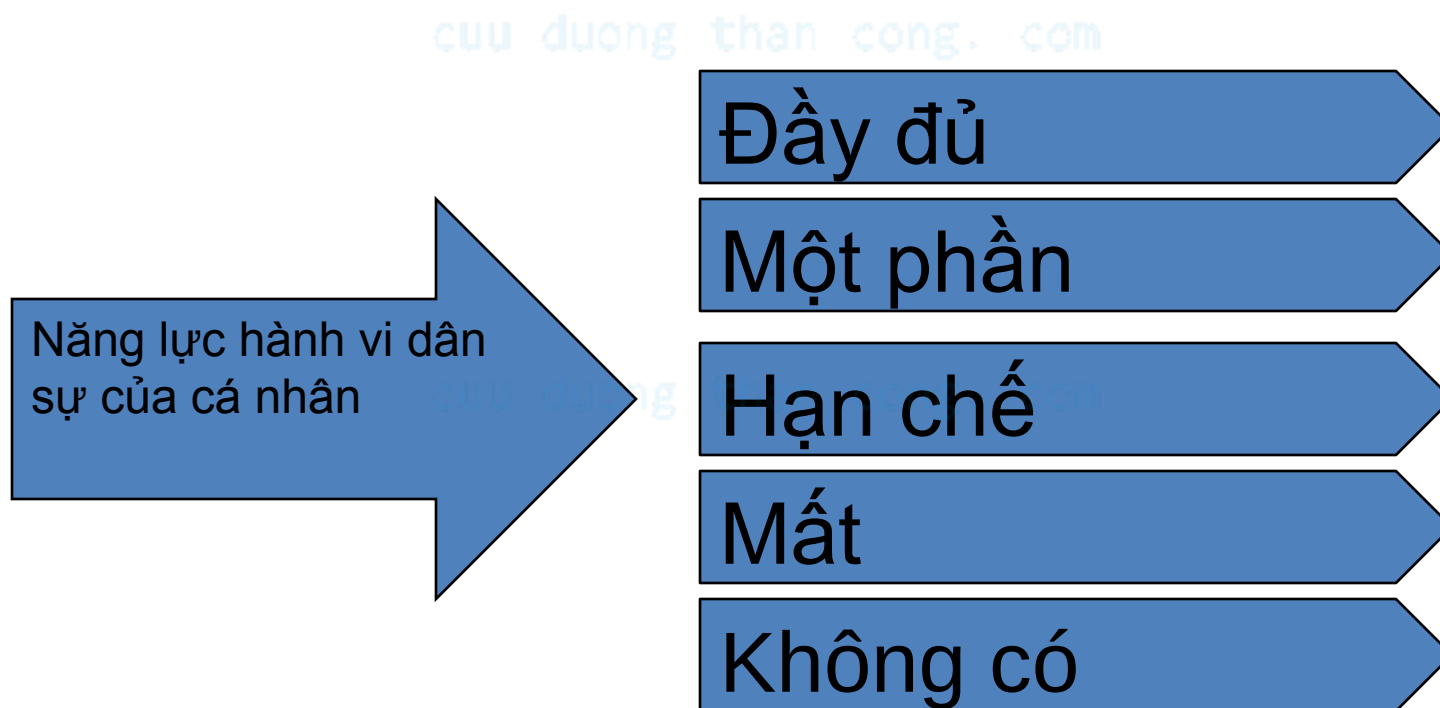
- Cá nhân
- Tổ chức (pháp nhân, ...)
- Hộ gia đình
- Tổ hợp tác
- Nhà nước (đặc biệt)

Cá nhân

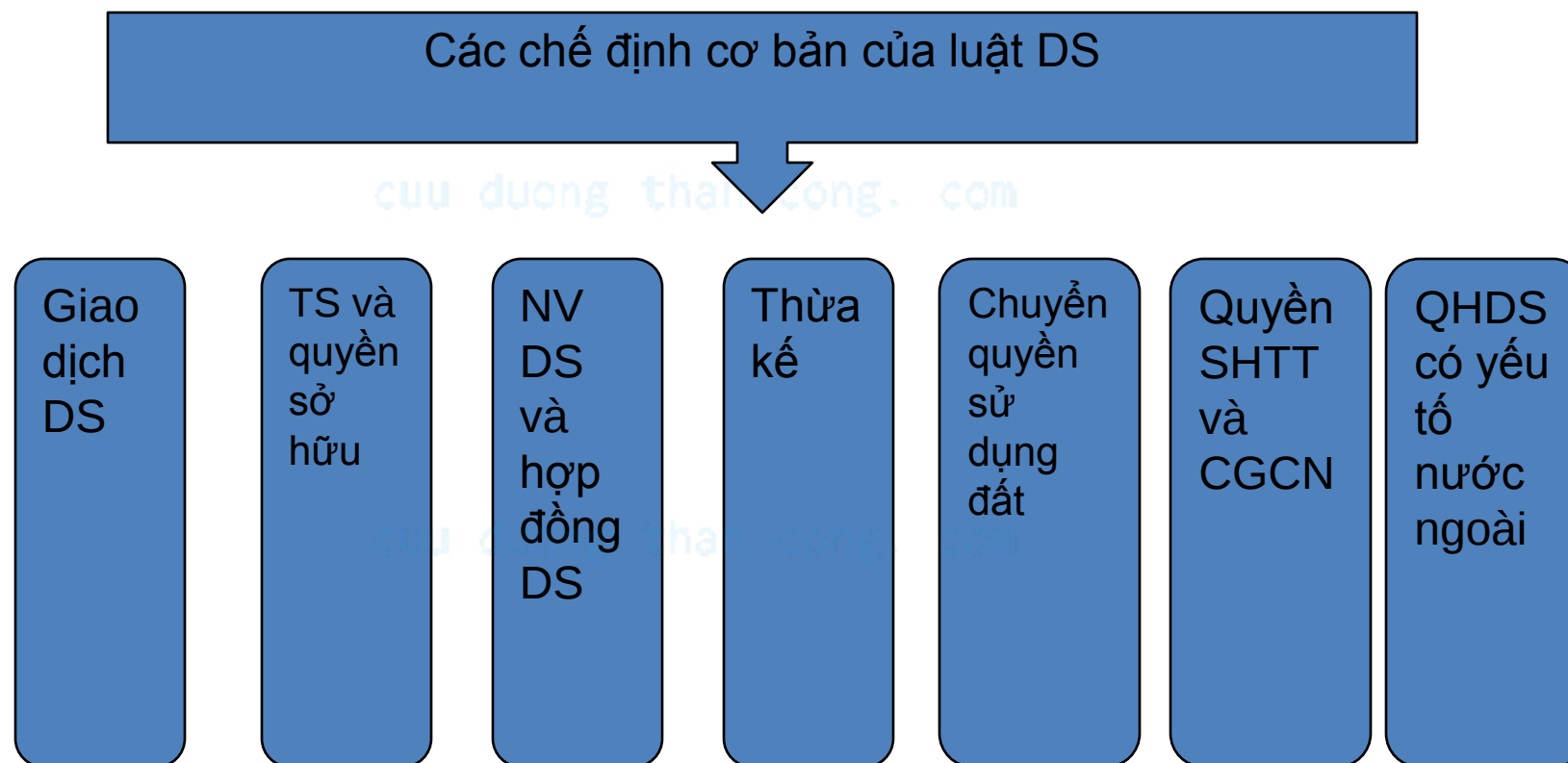
Là chủ thể thường xuyên và phổ biến nhất.
Điều kiện để cá nhân trở thành chủ thể:
phải có năng lực chủ thể:

1. Năng lực Pháp luật
2. Năng lực hành vi

Cá nhân (tiếp)



6. Các chế định cơ bản của luật DS



6.1 Giao dịch dân sự

- KN: [Đ121 BLDS]
- ĐK có hiệu lực của giao dịch dân sự [Đ122]

cuu duong than cong. com

6.2 Tài sản và quyền sở hữu

KN tài sản: [Đ 163 BLDS]

Các loại tài sản: [Đ 174 BLDS]

Quyền sở hữu: [Đ 164 BLDS]

1. Quyền chiếm hữu
2. Quyền sử dụng
3. Quyền định đoạt

Quyền chiếm hữu

- 1. Chiếm hữu hợp pháp
- 2. Chiếm hữu bất hợp pháp
 - 2.1. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật ngay tình
 - 2.2. Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật không ngay tình

CH không có căn cứ PL ngay tình

- Người chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình là người chiếm hữu mà không biết và không thể biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật [Đ 189 BLDS]

CH không có căn cứ PL không ngay tình

Người chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật không ngay tình là người chiếm hữu mà biết hoặc không thể biết tuy nhiên PL bắt buộc phải biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

6.3 Hợp đồng dân sự

1. KN: [đ388 BLDS]
2. Chủ thể: - Cá nhân
 - Tổ chức
3. Hình thức: [điều 401 BLDS]
4. Nội dung: [điều 402 BLDS]

6.4 Thừa kế

- 1. Quyền thức kế của cá nhân: [đ 631]**
- 2. Các hình thức thừa kế:**
 - Thừa kế theo di chúc
 - Thừa kế theo pháp luật
- 3. Những người không được quyền hưởng di sản [đ 643 BLDS 2005]**
- 4. Thừa kế thế vị [đ 677 BLDS]**

Thời hạn & thời hiệu

- Thời hiệu khởi kiện
- Thông thường là 2 năm:
- Có một số trường hợp khác:
 - - Khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản thừa kế là 3 năm.
 - - Khởi kiện phân chia di sản thừa kế là 10 năm.

• **THANK YOU !**

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com